TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2023/DS-ST
Ngày: 07 - 4 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thị Amina;

2. Ông Phan Ngọc Thạch.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh *tham gia phiên toà:* Bà Trần Thị Thái Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 344/2022/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXX-ST ngày 27 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Bùi Thị S**, sinh năm 1967; địa chỉ: Tổ 2, ấp T, xã H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Ông **Nguyễn An K**, sinh năm 1986; vắng mặt.

2.2. Bà **Nguyễn Thị Mỹ D**, sinh năm 1985; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ 5, ấp T, xã H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 11 năm 2022, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Bùi Thị S trình bày:

Từ ngày 12/5/2020 đến ngày 14/3/2022, bà có cho vợ chồng bà D, ông K vay tiền nhiều lần với tổng số tiền là 740.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Ngày 12/5/2020 cho vay số tiền 100.000.000 đồng, giấy nợ do ông K viết và ông K, bà D cùng ký tên;

Ngày 14/11/2020 cho vay số tiền 100.000.000 đồng, giấy nợ do ông K viết và ông K, bà D cùng ký tên;

Ngày 06/12/2020 cho vay số tiền 200.000.000 đồng, giấy nợ do ông K viết và ông K, bà D cùng ký tên;

Ngày 12/11/2021 cho vay số tiền 180.000.000 đồng, giấy nợ do ông K viết và ký tên.

Ngày 12/01/2022 cho vay số tiền 80.000.000 đồng, giấy nợ do ông K viết và ký tên.

Ngày 14/3/2022 cho vay số tiền 80.000.000 đồng, giấy nợ do ông K viết và ký tên.

Trong giấy vay tiền không ghi rõ thời gian trả nợ và không ghi thỏa thuận về tiền lãi

Ông K, bà D vay tiền của bà để mua máy cày về bán và mua phụ tùng để sữa chữa xe máy cày. Khi cho vay có thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 02%/tháng. Hàng tháng cứ đến ngày đầu tháng là ông K, bà D trả tiền lãi đầy đủ cho bà. Đến tháng 4/2022, do cần tiền để xây nhà yến nên bà có yêu cầu vợ chồng ông K, bà D trả lại tiền cho bà thì ông K có hẹn tháng sau sẽ trả lại tiền nhưng đến hạn thì ông K, bà D cũng không trả lại tiền cho bà. Nay, bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông K, bà D trả cho bà số tiền vay gốc là 740.000.000 đồng, tiền lãi là 79.852.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn An K và bà Nguyễn Thị Mỹ D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Đề nghị Hội đồng xét xử xử theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào các biên bản xác minh ngày 13 tháng 12 năm 2022 và ngày 01 tháng 3 năm 2023 tại ấp T và Công an xã H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh thấy rằng: Ông Nguyễn An K, bà Nguyễn Thị Mỹ D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp T, xã H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh nhưng đã vắng mặt tại địa phương từ khoảng tháng 12 năm 2022 cho đến nay. Trong đơn khởi kiện, người khởi kiện (bà Bùi Thị S) đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú người bị kiện (ông Nguyễn An K, bà Nguyễn Thị Mỹ D).

Địa chỉ được ghi trong các "Giấy mượn tiền ngày 12/5/2020; 14/11/2020; 06/12/2020; 14/3/2022; 12/01/2022; 12/11/2021", ông K ghi là ấp Hội Thạnh, xã H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Trong đơn khởi kiện, bà S ghi địa chỉ của người bị kiện là Tổ 5, ấp T, xã H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh nên được coi là "đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú". Trong vụ án này người bị kiện (ông Nguyễn An K, bà Nguyễn Thị Mỹ D) thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng vay tài sản mà không thông báo cho bà S biết về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định nên được coi là cố tình giấu địa chỉ nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 05 năm 2017 tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung là có căn cứ, đúng pháp luật, xác định nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú cuối cùng của ông K, bà D là tại Tổ 5, ấp T, xã H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Bà Bùi Thị S là nguyên đơn, vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Nguyễn An K, bà Nguyễn Thị Mỹ D là bị đơn, vắng mặt đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà S, ông K, bà D.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Bùi Thị S cho vợ chồng ông K, bà D vay tiền 06 lần, tổng cộng là 740.000.000 đồng, cụ thể:

Ngày 12/5/2020 cho vay số tiền 100.000.000 đồng; Ngày 14/11/2020 cho vay số tiền 100.000.000 đồng; Ngày 06/12/2020 cho vay số tiền 200.000.000 đồng; Ngày 12/11/2021 cho vay số tiền 180.000.000 đồng; Ngày 12/01/2022 cho vay số tiền 80.000.000 đồng; Ngày 14/3/2022 cho vay số tiền 80.000.000 đồng. Thỏa thuận lãi là 2%/tháng. Ông K, bà D trả lãi đủ đến tháng 4/2022 thì không đóng lãi nữa.

Do nhiều lần yêu cầu ông K, bà D trả tiền vay nhưng ông K, bà D không trả và bỏ địa phương đi từ tháng 12/2022 cho đến nay nên bà Sphát sinh tranh chấp với ông K, bà D.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Sđối với ông K, bà D về số tiền vay gốc 740.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại các giấy nợ ngày 12/5/2020; 14/11/2020; 06/12/2020, ông Nguyễn An K, bà Nguyễn Thị Mỹ D có ký nhận nợ bà Bùi Thị S. Tại các giấy nợ ngày 14/3/2022; 12/01/2022; 12/11/2021 ông Nguyễn An K có ký nhận nợ bà Bùi Thị S. Do đó, đủ căn cứ xác định ông K, bà D nợ bà S số tiền vay gốc là 740.000.000 đồng. Do ông K, bà D đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Svề việc buộc ông K, bà D cùng có nghĩa vụ trả cho bà Ssố tiền vay gốc 740.000.000 đồng.

[4] Đối với yêu cầu tính tiền lãi của bà Sol: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Srút yêu cầu tính lãi là 79.852.000 đồng. Việc rút yêu cầu này là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận, đình chỉ yêu cầu tính lãi của bà S đối với ông Khang, bà Dung.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của bà Bùi Thị S được chấp nhận nên ông Nguyễn An K, bà Nguyễn Thị Mỹ D phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; các Điều 144, 147, 217, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự ; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị S đối với ông Nguyễn An K, bà Nguyễn Thị Mỹ D về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Nguyễn An K, bà Nguyễn Thị Mỹ D cùng có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị S số tiền 740.000.000 (bảy trăm bốn mươi triệu) đồng. Ghi nhận, bà S không yêu cầu tính tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Bùi Thị S cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Nguyễn An K, bà Nguyễn Thị Mỹ D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị S đối với ông Nguyễn An K, bà Nguyễn Thị Mỹ D về số tiền lãi là 79.852.000 (bảy mươi chín triệu tám trăm năm mươi hai nghìn) đồng.

3. Về án phí:

Ông Nguyễn An K, bà Nguyễn Thị Mỹ D phải chịu 33.600.000 (ba mươi ba triệu sáu trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Bùi Thị S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà Bùi Thị S số tiền 18.297.000 (mười tám triệu hai trăm chín mươi bảy nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà S đã nộp tại biên lai thu số 0007789 ngày 12/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Tân Châu;
- THA-DS Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(ĐÃ KÝ)

Phạm Thị Xuân Lan